

-아/어다가

lấy rồi..., mang về rồi...

Hai hành động nối với nhau bằng sự thay đổi địa điểm. Bạn làm việc gì đó ở một nơi, di chuyển, rồi làm việc tiếp theo với kết quả đó — và tân ngữ được mang theo.

Cách kết hợp

Loại gốc từ	Dạng	Ví dụ
Nguyên âm cuối ㅏ hoặc ㅑ	-아다가	사다 → 사다가
Nguyên âm khác	-어다가	만들다 → 만들어다가
Động từ 하다	해다가	준비해다가
Dạng rút gọn văn nói	-아/어다	사다 줬어요
Đòi hỏi	tân ngữ và sự di chuyển	lấy về rồi dùng
Thay vào đó là gián đoạn	-다가	가다가 만났어요

Khi nào dùng

Nguyên âm theo quy tắc -아요/어요: 사다가, 만들어다가, 가져다가. Trong văn nói nó rút gọn thành -아/어다.

Phải thỏa mãn ba điều kiện. Chủ ngữ giống nhau trong suốt câu, có tân ngữ được mang theo từ hành động đầu sang hành động sau, và có sự thay đổi địa điểm giữa hai hành động: 빵을 사다가 친구에게 줬어요.

Điểm cuối cùng phân biệt nó với -다가, vốn là một hành động bị gián đoạn bởi hành động khác và không có sự chuyển giao tân ngữ.

Một nhóm nhỏ động từ chiếm ưu thế: 사다, 가져오다, 만들다, 빌리다, 얻다 — đều là những thứ bạn có thể lấy về rồi dùng ở nơi khác.

Ví dụ trong câu

- 1

빵을 사다가 친구에게 줬어요.
Tôi mua bánh mì rồi mang cho bạn.
- 2

도서관에서 책을 빌려다가 읽었습니다.
Tôi mượn sách ở thư viện về đọc.
- 3

집에서 만들어다가 사무실에서 먹었어요.
Tôi làm ở nhà rồi mang đến văn phòng ăn.
- 4

약국에서 약을 지어다가 어머니께 드렸어요.
Tôi lấy thuốc ở hiệu thuốc rồi mang về cho mẹ.
- 5

물을 좀 떠다가 주시겠어요?
Bạn lấy giúp tôi chút nước được không?
- 6

텃밭에서 채소를 뽑아다 김치를 담갔다.
Bà ấy hái rau ngoài vườn về làm kim chi.

So sánh với

-다가

-다가 làm gián đoạn một hành động để bắt đầu hành động khác, không có tân ngữ được mang theo. -아/어다가 hoàn tất hành động đầu và mang kết quả của nó đi nơi khác.

가다가 친구를 만났어요. (đang đi thì gặp) / 사다가 친구를 줬어요. (mua rồi mang cho)

-고 나서

-고 나서 nối bất kỳ hai hành động nào theo trình tự; -아/어다가 đòi hỏi tân ngữ của hành động đầu được dùng trong hành động sau, ở một nơi khác.

사고 나서 갔어요. (mua xong rồi đi) / 사다가 줬어요. (mua rồi mang đến cho)

-아/어서

-아서 cũng nối một hành động đã hoàn tất với hành động tiếp theo, nhưng không có sự di chuyển. 사서 먹었어요 có thể diễn ra hoàn toàn trong cửa hàng.

사서 먹었어요. (mua rồi ăn) / 사다가 먹었어요. (mua, mang đi, rồi ăn)

Lưu ý

- ✗ 학교에 가다가 공부했어요. — với ý “tôi đến trường rồi học”

○ 학교에 가서 공부했어요.

-다가 nghĩa là hành động đầu bị gián đoạn. Để nối một sự di chuyển đã hoàn tất với việc tiếp theo, dùng -아서.
- ✗ 제가 빵을 사다가 동생이 먹었어요.

○ 제가 빵을 사다가 동생에게 줬어요.

Cả hai hành động thuộc về một chủ ngữ. Nếu người khác thực hiện hành động sau, phải tách thành hai vế.
- ✗ 집에서 만들다가 사무실에서 먹었어요.

○ 집에서 만들어다가 사무실에서 먹었어요.

Thiếu -아/어, câu sẽ có nghĩa là bạn đang làm dở thì dừng lại. Chính nguyên âm mang tân ngữ đi theo.